

Số: 4¹⁹ /QĐ-BHXXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích
chuyên dùng của trụ sở cơ quan ngành Bảo hiểm xã hội**

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 4425/BTC-QLCS ngày 16/4/2019 của Bộ Tài chính về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với trụ sở cơ quan BHXH các cấp;

Căn cứ các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam ban hành về thiết kế xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của trụ sở cơ quan ngành BHXH với các nội dung tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của trụ sở cơ quan ngành BHXH quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Diện tích chuyên dùng này là diện tích tối đa để Thủ trưởng đơn vị phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lập dự án đầu tư.

3. Trước khi trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới; cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc, Thủ trưởng đơn vị phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ và diện tích chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định này tổ chức lập, trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, chấp thuận bằng văn bản về quy mô đầu tư xây dựng công trình phù hợp với yêu cầu sử dụng của đơn vị và chiến lược phát triển của ngành BHXH; Tổ chức triển khai thực hiện giao nhiệm vụ thiết kế sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản về quy mô đầu tư của BHXH Việt Nam.

4. Trường hợp đơn vị có thay đổi về cơ cấu tổ chức, biên chế hoặc thay đổi khác dẫn tới phải điều chỉnh (tăng, giảm) tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm báo cáo Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án để phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan trong quản lý đầu tư xây dựng và diện tích chuyên dùng quy định tại Quyết định này.

5. Đối với một số diện tích phục vụ nhiệm vụ đặc thù khác của Ngành

5.1. Diện tích nhà để xe chuyên dùng và nhà để máy phát điện khi triển khai thiết kế phải đảm bảo phù hợp với thiết bị được trang bị; tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành.

5.2. Đối với diện tích lưu trú thuộc 02 trụ sở: Trung tâm dữ liệu miền và Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Ngành tại thành phố Đà Nẵng; Trung tâm đào tạo, Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan thực hiện tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định của pháp luật, hướng dẫn của các Bộ, ngành chức năng và kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản quy định do BHXH Việt Nam ban hành trước đây có nội dung trái với Quyết định này đều hết hiệu lực. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành BHXH, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHĐT (10b). *nh*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đào Việt Ánh

**QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CỦA TRỤ SỞ CƠ QUAN NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số: 419/QĐ-BHXH ngày 17/ 4/2019 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam)

Chi tiết diện tích chuyên dùng của cơ quan BHXH các cấp

1. Đối với các trụ sở cơ quan Trung ương, gồm: trụ sở cơ quan BHXH Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội; Trung tâm đào tạo, Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh; Trung tâm dữ liệu miền và Trung tâm đào tạo nghiệp vụ ngành tại TP Đà Nẵng.

Biểu 1: Diện tích chuyên dùng của trụ sở BHXH Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội

STT	Nội dung	Diện tích tối đa (m2)	Ghi chú
1	2	3	4
1	Phòng họp trực tuyến	300	
2	Hội trường lớn (trên 100 chỗ)	1.000	
3	Kho hồ sơ	16.000	3 = 3.1+3.2
3.1	Phòng phân loại hồ sơ đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN; tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ tại BHXH tỉnh, thành phố	1.000	
3.2	Kho lưu trữ hồ sơ đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN; tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ tại BHXH tỉnh, thành phố	15.000	
4	Phòng tiếp dân	70	
5	Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính (phòng 1 cửa)	200	
6	Phòng công nghệ thông tin	400	6= 6.1+6.2+6.3
6.1	Phòng máy chủ	50	
6.2	Phòng quản lý, xử lý thông tin của tòa nhà	100	
6.3	Phòng in thẻ	250	
7	Diện tích nhà sinh hoạt chung, đa năng	1.500	

Biểu 2: Diện tích chuyên dùng của trụ sở cơ quan BHXH Việt Nam (Văn phòng đại diện) tại thành phố Hồ Chí Minh

STT	Nội dung	Diện tích tối đa (m2)	Ghi chú
1	2	3	4
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin; Trung tâm dữ liệu miền tập trung của khu vực phía Nam	2.000	
2	Diện tích các phòng họp, hội nghị, hội thảo	2.000	

Biểu 3: Diện tích chuyên dùng của trụ sở cơ quan BHXH Việt Nam (Trung tâm dữ liệu miền, Trung tâm đào tạo nghiệp vụ ngành) tại thành phố Đà Nẵng

STT	Nội dung	Diện tích tối đa (m2)	Ghi chú
1	2	3	4
1	Phòng họp trực tuyến	200	
2	Hội trường lớn (trên 100 chỗ)	500	
3	Kho hồ sơ tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ	1.500	
4	Phòng tiếp dân	30	
5	Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính (phòng 1 cửa)	50	
6	Phòng công nghệ thông tin	1.550	6= 6.1+6.2
6.1	Phòng máy chủ	50	
6.2	Trung tâm dữ liệu tập trung	1.500	
7	Diện tích Nhà sinh hoạt chung, đa năng	1.000	

2. Đối với trụ sở BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

ST T	Nội dung	Diện tích tối đa (m ²)				Ghi chú
		Nhóm 1	Nhóm 2 (biên chế từ 500 đến dưới 700 người)	Nhóm 3 (biên chế từ 300 đến dưới 500 người)	Nhóm 4 (biên chế dưới 300)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Phòng họp trực tuyến	300	240	200	(*)	
2	Hội trường lớn (trên 100 chỗ)	1.000	700	550	450	
3	Kho hồ sơ	6.750	3.300	2.250	1.700	3 = 3.1+3.2
3.1	Phòng phân loại hồ sơ đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN; tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ tại BHXH tỉnh, thành phố	750	300	250	200	
3.2	Kho lưu trữ hồ sơ đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN; tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ tại BHXH tỉnh, thành phố	6.000	3.000	2.000	1.500	
4	Phòng tiếp dân	70	50	35	30	
5	Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính (phòng 1 cửa)	200	150	120	100	
6	Phòng công nghệ thông tin	300	240	185	155	6 = 6.1+6.2
6.1	Phòng máy chủ	50	40	35	35	
6.2	Phòng in thẻ	250	200	150	120	
7	Diện tích nhà sinh hoạt chung, đa năng	1.500	450	320	250	

Ghi chú:

- Nhóm 1: gồm trụ sở BHXH thành phố Hà Nội; Trụ sở BHXH thành phố Hồ Chí Minh.
- (*): Đối với BHXH các tỉnh thuộc nhóm 4: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và biên chế hiện có, Thủ trưởng đơn vị phối hợp với các đơn vị liên quan thiết kế diện tích Phòng họp trực tuyến phù hợp với nhu cầu sử dụng của đơn vị, tối đa không quá 180 m², tính trong diện tích sử dụng chung.

3. Đối với BHXH quận, huyện, thành phố, thị xã trực thuộc:

STT	Nội dung	Diện tích tối đa (m ²)				Ghi chú
		Nhóm 1 (biên chế trên 70 người)	Nhóm 2 (biên chế từ 50 đến dưới 70 người)	Nhóm 3 (biên chế từ 25 đến dưới 50 người)	Nhóm 4 (biên chế dưới 25 người)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Kho hồ sơ	195	130	105	75	$I=1.1+1.2$
1.1	Phòng phân loại hồ sơ đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN; tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ tại BHXH tỉnh, thành phố	45	30	25	25	
1.2	Kho lưu trữ hồ sơ đóng hưởng BHXH, BHYT, BHTN; tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ tại BHXH tỉnh, thành phố	150	100	80	50	
2	Phòng tiếp công dân	35	35	30	25	
3	Hội trường lớn	280	200	(**)	(***)	
4	Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính (phòng 1 cửa)	140	100	60	60	
5	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan					
5.1	Nhà sinh hoạt chung, đa năng đối với cấp huyện có cự ly đến trung tâm tỉnh, thành phố dưới 60 Km	130	90	85	45	
5.2	Nhà sinh hoạt chung, đa năng đối với cấp huyện có cự ly đến trung tâm tỉnh, thành phố trên 60 Km	250	200	170	100	

Ghi chú:

(**), (***) : Đối với BHXH quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc nhóm 3 và 4: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và biên chế hiện có, Thủ trưởng đơn vị phối hợp với các đơn vị liên quan thiết kế diện tích Phòng họp trực tuyến phù hợp với nhu cầu sử dụng của đơn vị, tối đa không quá 150 m² đối với nhóm 3, không quá 120 m² đối với nhóm 4, tính trong diện tích sử dụng chung.